

Bản án số: **45/2025/DS-ST**

Ngày: 24/03/2025

V/v T/C Hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Văn Khương.

2. Bà Huỳnh Khiết Như.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2025, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 601/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Trần Kim P**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày: Bà Trương Thị T làm chủ hụi, bà Nguyễn P1 là hụi viên có tham gia các dây hụi cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mùa (bốn tháng khai 01 lần) 5.000.000 đồng, mở vào ngày 15/3/2020 âm, mãn ngày 15/11/2024 âm, có 15 phần bà P1 tham gia 02 phần (để tên vợ Tám L) giấy hụi để dây 1, dây 2.

Phần 1: (giấy hội đề dây 1) bà P1 hốt đầu, ra lời 2.000.000 đồng, hốt được số tiền 42.000.000 đồng, trừ đầu thảo 2.500.000 đồng, còn lại 39.500.000 đồng. Sau khi hốt hội xong bà P1 có đóng lại hội chết cho bà T được 04 lần (từ lần thứ 02 là 15/7/2020 đến lần thứ 05 là 15/7/2021). Từ lần khai thứ 06 (15/11/2021 cho đến khi mãn hội là 15/11/2024 thì bà P1 không đóng hội chết cho bà T 10 lần x 5.000.000 đồng = 50.000.000 đồng.

Phần 2: (giấy hội đề dây 2) bà P1 đóng hội sống được 04 lần, đến lần khai thứ 5 là ngày 15/7/2021 bà P1 hốt ra lời 1.800.000 đồng, hốt được số tiền 52.000.000 đồng, trừ đầu thảo 2.500.000 đồng còn lại 49.500.000 đồng. Sau khi hốt hội xong bà P1 không đóng hội chết cho bà T từ lần khai thứ 06 là ngày 15/11/2021 cho đến khi mãn hội là ngày 15/11/2024 10 lần x 5.000.000 đồng = 50.000.000 đồng.

Dây 2: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở vào ngày 15/3/2019 âl, mãn ngày 15/4/2021 âl, có 27 phần bà P1 tham gia 02 phần (đề tên 8 L – giấy hội dây 1 và dây 2). Bà P1 đã hốt hết 02 phần, bà T không nhớ ngày tháng hốt và số tiền ra lời của 02 lần hốt hội và hốt được bao nhiêu tiền, sau khi hốt hội xong thì bà P1 không đóng hội chết cho bà T.

Dây 3: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở vào ngày 25/8/2019 âl, mãn ngày 25/8/2021 âl có 26 phần, bà P1 tham gia 04 phần (đề tên 8 L – giấy hội dây 1,2,3,4). Bà P1 đã hốt hết 04 phần hội này, bà T không nhớ ngày tháng hốt của từng phần và số tiền ra lời của 04 lần hốt hội là bao nhiêu và hốt được bao nhiêu tiền, sau khi hốt hội xong 04 lần thì bà P1 không đóng hội chết cho bà T.

Khi bà P1 hốt dây hội mùa mở ngày 15/3/2020 âl, lúc đó bà P1 hốt phần thứ 2 thì bà T và bà P1 tính toán nợ hội dây 2 và dây 3 với nhau thì bà P1 trừ tiền hốt hội lần 2 (49.500.000 đồng) thì bà P1 còn nợ lại bà T 30.000.000 đồng và 10 lần hội chết của dây hội mùa 5.000.000 đồng x 02 phần = 100.000.000 đồng. Tổng cộng bà P1 còn nợ bà T là 130.000.000 đồng.

Nay bà Trương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây: Buộc bà Nguyễn Thị P1 có trách nhiệm trả cho bà số tiền hội còn nợ là: 130.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Trần Kim P: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà P, bà P có trực tiếp nhận nhưng bà P không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Kim P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà T cho rằng, bà là chủ hội, bà P là hội viên đã tham gia:

Dây 1: Hội mùa (bốn tháng khui 01 lần) 5.000.000 đồng, mở vào ngày 15/3/2020 âm, mãn ngày 15/11/2024 âm, có 15 phần bà P tham gia 02 phần (để tên vợ Tám L) giấy hội để dây 1, dây 2; Sau khi hót phần 1, bà P không đóng hội chết cho bà T 10 lần x 5.000.000 đồng = 50.000.000 đồng; Sau khi hót phần 2, bà P không đóng hội chết cho bà T 10 lần x 5.000.000 đồng = 50.000.000 đồng.

Dây 2: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở vào ngày 15/3/2019 âm, mãn ngày 15/4/2021 âm, có 27 phần bà P tham gia 02 phần. Bà P đã hót hết 02 phần.

Dây 3: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở vào ngày 25/8/2019 âm, mãn ngày 25/8/2021 âm có 26 phần, bà P tham gia 04 phần, đã hót hết 04 phần.

Bà T và bà P tính toán số nợ hội dây 2 và dây 3 với nhau, bà P trừ tiền hót hội (49.500.000 đồng) thì bà P còn nợ lại bà T 30.000.000 đồng và 10 lần hội chết của dây hội mùa 5.000.000 đồng x 02 phần = 100.000.000 đồng. Tổng cộng bà P còn nợ bà T là 130.000.000 đồng. Việc tham gia giao dịch hội giữa các bên có bà Trịnh Thị Hồng P2 và ông Nguyễn Hiền Phong T1 hiểu biết và chứng kiến.

Hội đồng xét xử cho rằng, Hợp đồng góp hội giữa bà T và bà P được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng góp hội, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ, khi không đóng hội chết đầy đủ cho nguyên đơn. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 130.000.000 đồng x 5% = 6.500.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị T.

Buộc bị đơn bà Trần Kim P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trương Thị T số tiền nợ hội là 130.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải có trách nhiệm trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.500.000 đồng.

Bà Trương Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng từ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009525 ngày 30/12/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa